TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **21**/2024/HNGĐ-ST Ngày: 02/5/2024 V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm Sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **M**, sinh năm 1999

Địa chỉ: ấp XX, xã BA, huyện CT, tỉnh KG.

(Chị M có mặt tại phiên toà)

- Bị đơn: Anh **Đ**, sinh năm 2000

Địa chỉ: ấp AT, xã BA, huyện CT, tỉnh KG.

(Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2023 bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị M trình bày:*

Vào năm 2017, chị M cùng anh Đ tự nguyện yêu thương nhau, được sự đồng ý của gia đình thì tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BA, huyện CT, tỉnh KG và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/02/2023. Trước

khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 1 năm, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép.

Sau khi chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 người con chung là cháu A, sinh ngày 18/12/2018. Đến khoảng tháng 12/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh Đ không chăm lo cho vợ con, kiếm được tiền thì tự xài mà không lo vợ con, chị M phải một mình nuôi con. Anh Đ ăn nhậu rồi về đánh chị M và mẹ chị nhiều lần, chị M đã từng nói với mẹ chồng đưa anh Đ về nhà mẹ ruột của anh sinh sống. Do đó chị M cảm thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nữa và anh chị đã ly thân nhau từ khoảng tháng 5-6/2023 đến nay. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Hiện tại chị M đang trực tiếp nuôi con, chị làm công nhân tại Công ty Thế Khánh (ấp AP, xã BA, huyện CT, KG) thu nhập từ 7-8 triệu đồng/tháng đủ đảm bảo cho việc chăm lo cho con.

Nay chị M yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị M xin được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị M yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu A, sinh ngày 18/12/2018 và chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đ trình bày:

Vào năm 2017, anh Đ cùng chị M tự nguyện yêu thương nhau, được sự đồng ý của gia đình thì tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BA, huyện CT, tỉnh KG và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/02/2023. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 1 năm, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép.

Sau khi chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 người con chung là cháu A, sinh ngày 18/12/2018 (Hiện tại chị M đang trực tiếp chăm sóc con chung). Đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ nghi ngờ vợ có bồ nên anh không chăm lo về kinh tế cho vợ con và cũng do nghi ngờ chị M nên anh Đ đã nhiều lần đánh vợ và lúc mẹ vợ can ngăn thì anh có quơ tay trúng mẹ vợ. Do đó anh cảm thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nữa và anh chị đã ly thân từ khoảng tháng 5-6/2023 đến nay. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Hiện tại anh Đ đang làm thuê, ai mướn thì anh làm, thu nhập không ổn định nhưng trung bình thu thập từ 5-6 triệu đồng/tháng đủ đảm bảo để chăm lo cho con.

Nay anh Đ có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với cô M vì lý do anh Đ còn thương vợ con.

- Về con chung: Anh Đ yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu A, sinh ngày 18/12/2018 và anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành-tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị M, cho chị M ly hôn với anh Đ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Giao con chung là cháu A, sinh ngày 18/12/2018 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng vì anh Đ không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập hàng tháng không ổn định; còn chị M làm công nhân tại Công ty Thế Khánh, có thu nhập hàng tháng từ bảy đến tám triệu đồng và đảm bảo điều kiện để trực tiếp chăm sóc cho cháu An, chị M tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: chị M và anh Đ cùng xác định trong quá trình chung sống thì vợ chồng anh chị không có không có tài sản chung và cam kết là không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ, do đó đây là quan hệ *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời bị đơn anh Đ có địa chỉ cư trú tại ấp AT, xã BA, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Bị đơn anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Đ xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2023 và được Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị M và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị M yêu cầu ly hôn với anh Đ: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị M và anh Đ đều xác nhận sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ nghi ngờ chị M có bồ nên anh không chăm lo về kinh tế cho vợ con và anh Đ đã nhiều lần đánh chị M, có lần mẹ chị M can ngăn thì anh Đ quơ tay trúng mẹ chị M. Cả anh Đ và chị M đều cảm thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên anh chị đã ly thân từ khoảng tháng 5-6/2023 cho đến nay. Mặc dù Tòa án đã mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên chị M và anh Đ hàn gắn đoàn tụ nhưng hòa giải không thành. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để anh Đ có mặt tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh Đ vắng mặt, chứng tỏ anh Đ không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với chị M. Đồng thời tại phiên tòa chị M vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng chị M không còn tự nguyện chung sống với anh Đ nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về việc xin ly hôn với anh Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 01 người con chung là cháu Danh Thị Thúy An, sinh ngày 18/12/2018, cả chị M và anh Đ đều yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng chị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An từ khi sinh ra cho đến nay, đồng thời do anh Đ có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định; còn chị M làm công nhân tại Công ty Thế Khánh có thu nhập hàng tháng từ bảy đến tám triệu đồng và đảm bảo điều kiện để trực tiếp chăm sóc cho cháu An nên Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung là cháu An cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu An là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản

trở. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị M và anh Đ cùng xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị M và anh Đ đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị M về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh Đ.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị M là phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng. Anh Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị M về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" với anh Đ.

1. Về hôn nhân: Cho chị M được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu A, sinh ngày 18/12/2018 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị M tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh Đ cùng xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị M và anh Đ cùng cam kết là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001268 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị M không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Phạm Ngọc Khánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.